

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày: 29 tháng 4 năm 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Khanh
Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Như Hòa - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-DS ngày 21/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng B – Trưởng phòng cao cấp xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân 1.

Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Người được ông B ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành T – Chuyên viên xử lý nợ.

Văn bản ủy quyền số 9914/2025/UQ-KHCN ngày 18 tháng 9 năm 2025.

Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Hưng Yên.

(Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H).

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, các tài liệu khác trong hồ sơ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đức T1 và Ngân hàng TMCP V (viết tắt Ngân hàng V2) đã ký kết các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023 với nội dung: Ngân hàng cho ông T1 vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu KIA, Seltos Premium, động cơ 1,4L Turbo – AT sản xuất mới 100%. Ngân hàng giải ngân cho bên vay bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản của bên hưởng thụ. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 12,5%/năm (với một năm là 365 ngày), lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,6%/năm. Các kỳ trả gốc bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/02/2023. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là: 5.208.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 5.240.000 đồng. Các kỳ trả lãi bên vay phải trả lãi cho Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 10, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/02/2023. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi quá hạn) bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023 Ngân hàng cho ông T1 vay số tiền 36.000.000 đồng. Thời hạn vay tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 11/10/2026. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng. Phương thức giải ngân: Số tiền giải ngân cho mục đích mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng sẽ được V1 giải ngân vào tài khoản thanh toán của Công ty B1 mở tại V1, số tiền còn lại được giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng tại V1 số 0976611121, khách hàng cam kết sử dụng toàn bộ số tiền được V1 giải ngân này để thanh toán, chi trả cho bên thụ hưởng có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho V1 theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 11, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 11/11/2023, tổng cộng gồm 36 kỳ. Số tiền trả nợ gốc hàng kỳ sẽ được V1 thông báo chi tiết bằng tin nhắn đến số điện thoại của khách hàng. Khách hàng phải trả tiền lãi cho V1 theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 11, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 11/11/2023, tổng cộng gồm 36 kỳ. Số tiền trả nợ lãi hàng kỳ sẽ

được V1 thông báo chi tiết bằng tin nhắn đến số điện thoại của khách hàng. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo cơ chế sau:

+ Đối với khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng: Mức lãi suất cho vay trong hạn 21%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 01tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời gian cho vay cộng (+) biên độ 13%. Mức lãi suất tham chiếu nêu trên được xác định theo biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân tại V1 được V1 công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

+ Đối với khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng: Mức lãi suất cho vay trong hạn 21%/năm được cố định đến ngày 01/04/2024. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03tháng/lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời gian cho vay cộng (+) biên độ 13%. Mức lãi suất tham chiếu nêu trên được xác định theo biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân tại V1 được V1 công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

- Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024 Ngân hàng cho ông T1 vay số tiền vay 98.000.000 đồng Thời hạn vay tính từ ngày tiếp theo của ngày V1 giải ngân vốn vay cho khách hàng đến ngày 10/10/2027. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống. Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản thanh toán của khách hàng tại V1 số 0976611121, khách hàng cam kết sử dụng toàn bộ số tiền được V1 giải ngân này để thanh toán, chi trả cho bên thụ hưởng có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Tiến độ giải ngân: Giải ngân một lần toàn bộ số tiền cho vay. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho V1 theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/12/2024, tổng cộng gồm 36 kỳ. Số tiền trả nợ gốc hàng kỳ sẽ được V1 thông báo chi tiết bằng tin nhắn đến số điện thoại của khách hàng. Khách hàng phải trả tiền lãi cho V1 theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/12/2024, tổng cộng gồm 36 kỳ. Số tiền trả nợ lãi hàng kỳ sẽ được V1 thông báo chi tiết bằng tin nhắn đến số điện thoại của khách hàng.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn 22%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo cơ chế sau:

+ Đối với khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng: Mức lãi suất cho vay trong hạn 22%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định

kỳ 01tháng/lần. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời hạn cho vay cộng (+) biên độ. Mức lãi suất tham chiếu nêu trên được xác định theo biểu lãi suất tham chiếu và biên độ lãi suất linh hoạt VNĐ áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân tại V1 được niêm yết tại W: w w.V1.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

+ Đối với khoản vay có thời hạn cho vay trên 12 tháng: Mức lãi suất cho vay trong hạn 22%/năm được cố định đến ngày 01/04/2025. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03tháng/lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng với thời gian cho vay cộng (+) biên độ 14. Mức lãi suất tham chiếu nêu trên được xác định theo biểu lãi suất tham chiếu và biên độ lãi suất linh hoạt VNĐ áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân tại V1 được niêm yết tại W: w w.V1.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/01/2023. Hạn mức tín dụng thẻ đề nghị tối đa bằng 5% giá trị khoản vay có tài sản đảm bảo = 25.000.000 đồng. Mục đích cấp tín dụng: Phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất 3,29%/tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số LN2301038041164 ngày 12/01/2023 là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, S, động cơ 1,4L Turbo – AT, số khung: RNYEF51D7NC264475, số máy: G4LDND036076, màu sơn đen, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký: Số giấy chứng nhận đăng ký: 89000792, biển số đăng ký: 89A-371.77 do Công an huyện V cấp ngày 06/01/2022 cho ông Nguyễn Văn T2. Giá trị định giá tài sản thế chấp tại thời điểm giải ngân là 744.000.000 đồng. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn từ ngày 10/7/2025. Tính đến ngày 29/4/2026 ông T2 đã trả được nợ cho Ngân hàng theo từng khoản vay như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023 số tiền cho vay và đã giải ngân 500.000.000 đồng. Ông T2 đã trả nợ gốc: 151.032.000 đồng, nợ lãi 140.626.119 đồng:

- Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023 số tiền cho vay và đã giải ngân 36.000.000 đồng. Ông T2 đã trả nợ gốc: 17.185.987 đồng, nợ lãi 10.057.952 đồng:

- Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024 số tiền cho vay và đã giải ngân 98.000.000 đồng. Ông T2 đã trả nợ gốc: 14.484.073 đồng, nợ lãi 12.597.481 đồng:

- Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023 số tiền hạn mức ban đầu 25.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông T2 còn nợ Ngân hàng tất cả các khoản vay là 596.994.855 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023:

Nợ gốc: 348.968.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 4.145.638 đồng

Nợ lãi quá hạn: 67.990.108 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023:

Nợ gốc: 18.814.913 đồng

Nợ lãi trong hạn: 319.528 đồng

Nợ lãi quá hạn: 5.138.003 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024:

Nợ gốc: 83.515.927 đồng

Nợ lãi trong hạn: 1.509.380 đồng

Nợ lãi quá hạn: 24.093.086 đồng.

- Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023:

Nợ gốc: 32.378.814 đồng

Nợ lãi: 10.121.458 đồng

Quá trình xử lý khoản vay Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản vay cho Ngân hàng nhưng ông T2 không thực hiện. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Buộc ông Nguyễn Đức T1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng trên tính đến ngày 29/4/2026 là 596.994.855 đồng.

Buộc ông Nguyễn Đức T1 phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi ông T1 thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Đức T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của các khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay là: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, S, động cơ 1,4L Turbo – AT, số khung: RNYEF51D7NC264475, số máy: G4LDND036076, màu sơn đen, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký: Số giấy chứng nhận đăng ký: 89000792, biển số đăng ký: 89A-371.77 do Công an huyện V cấp ngày 06/01/2022 cho ông Nguyễn Văn T2. Tài sản được thế chấp cho Ngân

hàng theo Hợp đồng thế chấp số LN2301038041164 ngày 12/01/2023. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản bảo đảm khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Đức T1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2026 bị đơn ông Nguyễn Đức T1 trình bày:

Năm 2023, ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V1 để vay số tiền 36.000.000 đồng. Ngày 31/10/2024, ông ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V1 để vay số tiền 98.000.000 đồng với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, mua bảo hiểm sinh mạng người vay về lãi suất và thời hạn vay thì ông không nhớ. Vào ngày 12/01/2023, ông ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 500.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô và ngày 09/01/2023 ông ký và mở thẻ tín dụng để vay số tiền 25.000.000 đồng để phục vụ nhu cầu đời sống, về lãi suất và thời hạn vay ông không nhớ. Khi vay tiền ông sử dụng các khoản vay đúng mục đích. Để đảm bảo cho các khoản vay ông có thể chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Seltos, biển số 89A-371.77 mang tên ông. Sau khi làm thủ tục vay tiền xong Ngân hàng giải ngân cho ông và ông sử dụng số tiền đúng mục đích. Ông xác định khi vay tiền các bên hoàn toàn tự nguyện ký hợp đồng không bị ai ép buộc lừa dối và ông được Ngân hàng giao cho giữ một bản hợp đồng đối với từng khoản vay. Tại buổi làm việc Tòa án cho ông xem các Hợp đồng, khế ước ông xác định đúng chữ ký của ông. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền nợ tính đến thời điểm ngày 18/9/2025 là 508.621.116 đồng, trong đó: Nợ gốc là 451.297.940 đồng; Nợ lãi là 20.963.074 đồng; Nợ thẻ tín dụng là 36.360.102 đồng và ông phải tiếp tục trả số tiền lãi theo Hợp đồng cho đến khi trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng ông hoàn toàn nhất trí và ông đề nghị Ngân hàng xử lý xe để thu hồi số nợ mà ông đang nợ Ngân hàng.

Do ông T1 đang bị tạm giam, tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô hiện nay đang được bố mẹ ông là ông Nguyễn Quốc T3, bà Đào Thị Thanh H quản lý giúp. Ông đề nghị Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật. Ông đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 06/4/2026, ông Nguyễn Quốc T3 – bố ông T1 trình bày:

Đối với việc Ngân hàng khởi kiện tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA Seltos Premium, biển kiểm soát 89A-371.77, số khung: RNYEF51D7NC264475, số máy: G4LDND036076 thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông T1. Tại buổi làm việc ngày hôm nay ông T3 đề nghị ông sẽ giao xe cho Ngân hàng và trừ vào số tiền ông T1 nợ Ngân hàng hai bên không còn nợ nần gì nhau nữa về số nợ mua xe. Ông T3 xác định không liên quan gì đến vụ án nên sẽ vắng mặt.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, tài sản bảo đảm không có (không xác định được hiện nay đang ở đâu) nên không tiến hành được việc xem xét thẩm định.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Đức T1 phải thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/4/2026) là 596.994.855 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023:

Nợ gốc: 348.968.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 4.145.638 đồng

Nợ lãi quá hạn: 67.990.108 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023:

Nợ gốc: 18.814.913 đồng

Nợ lãi trong hạn: 319.528 đồng

Nợ lãi quá hạn: 5.138.003 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024:

Nợ gốc: 83.515.927 đồng

Nợ lãi trong hạn: 1.509.380 đồng

Nợ lãi quá hạn: 24.093.086 đồng.

- Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023:

Nợ gốc: 32.378.814 đồng

Nợ lãi: 10.121.458 đồng

Buộc ông Nguyễn Đức T1 phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 30/4/2026 cho đến khi ông T1 thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Đức T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp tài sản bảo đảm khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Đức T1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, mở phiên tòa và xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, việc Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Nay là Điều 100, 102, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024);

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Thông tư 19/2021/TT-NHNN ngày 30/6/2021 của Ngân hàng N (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 22/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020) của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

- Buộc ông Nguyễn Đức T1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 29/04/2026 là 596.994.855 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 30/04/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp ông Nguyễn Đức T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm ông T1 đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

- Trường hợp tài sản bảo đảm khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Đức T1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

- Về án phí: Trả lại Ngân hàng V1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Ông T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên.

[1.2]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Theo Hợp đồng tín dụng và kết quả xác minh thông tin nơi cư trú của bị đơn, có đủ cơ sở xác định tại đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Bị đơn ông Nguyễn Đức T1 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H. Ngày 21/01/2026, Tòa án đã tiến hành làm việc với ông T1. Ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Xét thấy bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ gốc và lãi:

Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023, Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023, Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023 được xác lập bởi các chủ thể có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các bên tham gia giao kết đều tự nguyện, hình thức, nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật; việc ký hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ là đúng quy định hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Đức T1 có trách nhiệm phải trả số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023 là: 348.968.000 đồng; Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023 là: 18.814.913 đồng; Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024 là: 83.515.927 đồng; Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023 là: 32.378.814 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466 Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn): Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng. Hội đồng xét xử thấy: Mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn theo yêu cầu khởi kiện tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/4/2026: Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023:

Lãi trong hạn: 4.145.638 đồng; Lãi quá hạn: 67.990.108 đồng; Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023: Lãi trong hạn: 319.528 đồng; Lãi quá hạn: 5.138.003 đồng; Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024: Lãi trong hạn: 1.509.380 đồng; Lãi quá hạn: 24.093.086 đồng; Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023: Nợ lãi: 10.121.458 đồng là phù hợp khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T1 thực tế thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là phù hợp với hướng dẫn về xác định lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Đức T1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/4/2026) là 596.994.855 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023:

Nợ gốc: 348.968.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 4.145.638 đồng

Nợ lãi quá hạn: 67.990.108 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023:

Nợ gốc: 18.814.913 đồng

Nợ lãi trong hạn: 319.528 đồng

Nợ lãi quá hạn: 5.138.003 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024:

Nợ gốc: 83.515.927 đồng

Nợ lãi trong hạn: 1.509.380 đồng

Nợ lãi quá hạn: 24.093.086 đồng.

- Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023:

Nợ gốc: 32.378.814 đồng

Nợ lãi: 10.121.458 đồng

Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Đức T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp:

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN2301038041164 ngày 13/01/2023, ông Nguyễn Đức T1 đã thế chấp xe ô tô nhãn hiệu KIA Seltos Premium, động cơ 1,4L Turbo – AT, số khung: RNYEF51D7NC264475, số máy: G4LDND036076, màu sơn đen, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký: Số giấy chứng nhận đăng ký: 89000792, biển số đăng ký: 89A-371.77 do Công an huyện V cấp ngày 06/01/2022 cho ông Nguyễn Văn T2. Tài sản được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số

LN2301038041164 ngày 12/01/2023. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Xét Hợp đồng thế chấp số LN2301038041164 ngày 12/01/2023 giữa ông Nguyễn Đức T1 và Ngân hàng, HĐXX thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản có nội dung đầy đủ, rõ ràng, có chữ ký của các bên là đảm bảo quy định về thế chấp tài sản được quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự và được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng chứng nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ nhưng ông Nguyễn Đức T1 vắng mặt, không cung cấp, giao tài sản thế chấp theo yêu cầu nên không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được. Ngân hàng yêu cầu xử lý, phát mại tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp ông T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi là có căn cứ, đảm bảo theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp và phù hợp theo quy định tại các Điều 299, Điều 303, Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.2] Về án phí:

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Đức T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Nay là Điều 100, 102, 103, 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024);

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Thông tư 19/2021/TT-NHNN ngày 30/6/2021 của Ngân hàng N (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 22/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020) của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) đối với ông Nguyễn Đức T1.

11. Buộc ông Nguyễn Đức T1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền còn nợ tính đến ngày 29/4/2026 là 596.994.855 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số LN2301038041164 ngày 13/01/2023:

Nợ gốc: 348.968.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 4.145.638 đồng

Nợ lãi quá hạn: 67.990.108 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2328501988 ngày 12/10/2023:

Nợ gốc: 18.814.913 đồng

Nợ lãi trong hạn: 319.528 đồng

Nợ lãi quá hạn: 5.138.003 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD2430501132 ngày 31/10/2024:

Nợ gốc: 83.515.927 đồng

Nợ lãi trong hạn: 1.509.380 đồng

Nợ lãi quá hạn: 24.093.086 đồng.

- Hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng ngày 09/01/2023:

Nợ gốc: 32.378.814 đồng

Nợ lãi: 10.121.458 đồng

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/4/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Nguyễn Đức T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

1.3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Đức T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng là xe ô tô nhãn hiệu KIA Seltos Premium, động cơ 1,4L Turbo – AT, số khung: RNYEF51D7NC264475, số máy: G4LDND036076, màu sơn đen, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký: Số giấy chứng nhận đăng ký: 89000792, biển số đăng ký: 89A-371.77 do Công an huyện V cấp ngày 06/01/2022 cho ông Nguyễn Văn T2. Tài sản được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số LN2301038041164 ngày 12/01/2023.

1.4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Đức T1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Đức T1 phải chịu 27.878.794 đồng (làm tròn số 27.878.800 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm đồng)án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V (V1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V 12.170.000 đồng (Mười hai triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002555 ngày 23/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Hưng Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh

